



Cô Vũ Thị Mai Phương

TÀI LIỆU ĐỘC QUYỀN

HẠ GỤC CÂU HỎI TỪ VỰNG MỨC ĐỘ 8+ TRONG ĐỀ THI (BUỔI 7)

*Dành riêng cho khóa học: Ôn tập cơ bản, tổng hợp
các dạng câu hỏi trong đề thi*

- Question 1.** In order to make this soup, you must follow the _____ very carefully.
A. recipe B. ingredients C. design D. spices
- Question 2.** When his classmates teased Tim about his clothes, he was silent throughout the _____ of the trip.
A. legacy B. excess C. remainder D. abundance
- Question 3.** Tony was unwilling to _____ all the blame for his team's defeat today.
A. arm B. shoulder C. hand D. head
- Question 4.** Given that the coronavirus cases continue to rise, I think we have made a _____ decision not to go travelling.
A. carless B. modest C. generous D. wise
- Question 5.** The pandemic _____ a blow to the aviation industry because there were travel restrictions.
A. placed B. lent C. dealt D. missed
- Question 6.** Finally, she _____ her ambition of becoming a photographer like her uncle.
A. realised B. noticed C. recognised D. identified
- Question 7.** The research gave us an _____ into the impact of human beings on the environment.
A. intent B. access C. advent D. insight
- Question 8.** Global warming poses a risk to the Earth and its effects on people and nature are _____.
A. permissive B. catastrophic C. gentle D. exotic
- Question 9.** The recent landslides in the northern part of the country _____ in 10 casualties.
A. contributed B. led C. resulted D. triggered
- Question 10.** The company has recently _____ an internship programme for final year students throughout the city.
A. initiated B. appealed C. witnessed D. relieved
- Question 11.** The government unanimously _____ the open-door policy to facilitate its economic development.
A. arisen B. adopted C. disrupted D. devoted
- Question 12.** My mother doesn't find it hard to prepare _____ like chicken soup or salads.
A. events B. customs C. parties D. dishes
- Question 13.** Susan is a girl who has a _____ personality. She always spends her free time helping others in her neighbourhood.
A. cold B. strong C. warm D. brave
- Question 14.** When young, my father was such a(n) _____ man who decided to travel around Vietnam with his own bike.
A. bold B. bright C. angry D. gentle
- Question 15.** Many experts _____ that children should be allowed to play games in their free time.
A. struggled B. advocated C. controlled D. involved

Question 16. This charitable organisation was _____ to provide humanitarian aid for victims of natural disasters.

- A. founded B. repeated C. respected D. displayed

Question 17. Using chemicals to _____ the growth of plants is totally banned.

- A. revise B. conduct C. accelerate D. follow

Question 18. Peter _____ everybody the news that he had been promoted to senior manager.

- A. said B. talked C. told D. spoke

Question 19. For a small annual _____, you can have access to all of the resources on our website.

- A. wage B. salary C. fare D. fee

Question 20. One of my grandmother's favourite activities is to _____ to the radio.

- A. watch B. listen C. sing D. think

Question 21. It was such a pleasant evening in the _____ of my childhood friends.

- A. company B. residence C. business D. atmosphere

Question 22. He's the only _____ who saw the gunmen leave the bank.

- A. audience B. eyewitness C. spectator D. viewer

Question 23. My hotel room enjoys a spectacular _____ of the sandy beach.

- A. vision B. look C. glance D. view

Question 24. My sister always wears a pair of _____ when she washes the dishes.

- A. socks B. shoes C. hats D. gloves

Question 25. Luke pursues a _____ in medicine because he loves treating people with illnesses.

- A. task B. duty C. career D. work

Question 26. This high school places a(n) _____ on its student's academic performance.

- A. pressure B. emphasis C. power D. density

Question 27. I don't understand why young people like this film. It's beautiful but the _____ isn't really good.

- A. content B. character C. verse D. chapter

Question 28. Despite the light rain, thousands of _____ still flocked to the stadium to support the national football team.

- A. witnesses B. audiences C. viewers D. spectators

Question 29. A valid driving _____ is needed for this position.

- A. diploma B. application C. résumé D. licence

Question 30. There are many unexpected twists in the _____, keeping the audience guessing throughout the series.

- A. plot B. page C. cast D. setting

BẢNG TỪ VỰNG

STT	Từ vựng	Từ loại	Phiên âm	Nghĩa
1	recipe	n	/'res.i.pi/	công thức
2	ingredient	n	/'ɪn'grɪ:.di.ənt/	nguyên liệu
3	spice	n	/'spaɪs/	gia vị
4	tease	v	/'ti:z/	chế giễu, nhạo báng
5	legacy	n	/'leg.ə.si/	di sản
6	abundance	n	/'æ'bʌndəns/	sự nhiều, dồi dào
7	excess	n	/'ɪk'ses/	phần thừa
8	defeat	n	/'di'fi:t/	sự thất bại
9	modest	adj	/'mɒd.ɪst/	khiêm tốn
10	pandemic	n	/'pæn'dem.ɪk/	đại dịch
11	aviation	n	/'eɪ.vi'eɪ.ʃən/	hàng không
12	insight	n	/'ɪn.sɑɪt/	cái nhìn sâu sắc
13	catastrophic	adj	/'kæt.ə'strɒf.ɪk/	thảm khốc, tàn khốc
14	permissive	adj	/'pə'mɪs.ɪv/	dễ dãi
15	exotic	adj	/'ɪg'zɒt.ɪk/	ngoại lai
16	initiate	v	/'ɪ'nɪʃieɪt/	khởi xướng, bắt đầu
17	appeal	v	/'ə'pi:l/	lôi cuốn, thỉnh cầu
18	relieve	v	/'ri'li:v/	xoa dịu
19	landslide	n	/'lænd.slaɪd/	sạt lở đất
20	casualty	n	/'kæʒ.ju.əl.ti/	số người thương vong
21	internship	n	/'ɪn.tɜ:n.ʃɪp/	kỳ thực tập
22	unanimously	adv	/'ju:'næn.ɪ.məs.li/	một cách nhất trí
23	adopt	v	/'ə'dɒpt/	chấp nhận, thông qua
24	disrupt	v	/'dɪs'rʌpt/	làm gián đoạn
25	devote	v	/'di:vəʊt/	cống hiến
26	policy	n	/'pɒl.ə.si/	chính sách
27	dish	n	/'dɪʃ/	món ăn
28	facilitate	v	/'fæ'sɪl.ɪ.teɪt/	tạo điều kiện
29	brave	adj	/'breɪv/	dũng cảm
30	bold	adj	/'bəʊld/	táo bạo, mạnh mẽ
31	advocate	v	/'æd.və.keɪt/	ủng hộ
32	struggle	v	/'strʌgl/	vật lộn, đấu tranh
33	humanitarian	adj	/'hju:mæn.ɪ'teə.ri.ən/	có tính nhân đạo
34	aid	n	/'eɪd/	sự viện trợ
35	victim	n	/'vɪk.tɪm/	nạn nhân
36	found	v	/'faʊnd/	thành lập
37	accelerate	v	/'æk'sel.ə.reɪt/	thúc đẩy, đẩy nhanh
38	promote	v	/'prə'məʊt/	xúc tiến, thăng chức
39	senior	adj	/'si:.ni.ə/	cấp cao
40	wage	n	/'weɪdʒ/	tiền công theo tuần
41	salary	n	/'sæləri/	lương tháng

42	fee	n	/fi:/	lệ phí
43	fare	n	/feə(r)/	vé tàu xe
44	vision	n	/'vɪʒn/	tầm nhìn (tương lai)
45	view	n	/vju:/	quang cảnh, tầm nhìn
46	glance	n	/glɑ:ns/	sự liếc nhìn
47	eyewitness	n	/'aɪ,wɪt.nəs/	nhân chứng
48	spectacular	adj	/spek'tæk.jə.lər/	ngoạn mục
49	glance	n	/glɑ:ns/	cái liếc nhìn
50	content	n	/'kɒntent/	nội dung
51	character	n	/'kærəktə(r)/	nhân vật
52	verse		/vɜ:s/	đoạn
53	audience	n	/'ɔ:diəns/	khán giả
54	viewer	n	/'vju:ə(r)/	người xem (truyền hình)
55	spectator	n	/spek'tetə(r)/	khán giả (cô vũ ngoài trời)
56	diploma	n	/dɪ'plɒm.ə/	bằng cấp, chứng chỉ
57	résumé	n	/'rez.ju:.meɪ/	sơ yếu lý lịch
58	licence	n	/'laɪ.səns/	giấy phép
59	plot	n	/plɒt/	cốt, mạch (truyện/phim)
60	cast	n	/kɑ:st/	dàn diễn viên
61	setting	n	/'setɪŋ/	bối cảnh

BẢNG CẤU TRÚC

STT	Cấu trúc	Nghĩa
1	the remainder of something	phần còn lại, thời gian còn lại của
2	be (un)willing to do something	(không) sẵn lòng làm gì
3	shoulder the responsibility/duty/cost/burden...	gánh vác trách nhiệm/nghĩa vụ/chi phí/gánh nặng...
4	realise one's ambition/goal	đạt được tham vọng/mục tiêu
5	give sb an insight into something	giúp ai có cái nhìn sâu sắc về điều gì
6	given that	xét tới
7	deal a blow to somebody/something	giáng đòn xuống ai/cái gì
8	pose a risk	gây rủi ro
9	result in something = lead to something = trigger	dẫn đến cái gì
10	contribute to something	góp phần vào cái gì
11	in the company of somebody	cùng với ai
12	pursue a career in something	theo đuổi sự nghiệp gì
13	put/place an emphasis on something	chú trọng vào cái gì